

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ GIÁO  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HS-ST  
Ngày 27 - 4 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Tiến Lợi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*  
Ông Kim Niệm;  
Ông Nguyễn Văn Sự.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trịnh Đình Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2021/TLST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thành D, sinh ngày 02/10/1999 tại Bình Dương. Nơi cư trú: Ấp 2A, xã PH, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (chết) và bà Trần Thị L, sinh năm 1966; tiền án: 01. Ngày 17/10/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Hiện đã chấp hành xong tại Trại giam Tổng Lê Chân – Cục C10 Bộ Công an; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 22/11/2016, bị Công an thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản” sau đó có Quyết định đình chỉ điều tra do Dương chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 25/3/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thành D:**

Bà Trần Thị L, sinh năm 1966; thường trú: Ấp 2A, xã PH, huyện P, tỉnh Bình Dương (là mẹ của bị cáo D); có mặt.

2. Họ và tên: Trần Minh P, sinh ngày 17/9/1987 tại Bình Dương. Nơi cư trú: Ấp 2A, xã PH, huyện P, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn L, sinh năm (không rõ) và bà Trần Thị L, sinh năm 1966; tiền án: 01. Ngày 26/6/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm tù giam về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong bản án ngày 01/3/2019; tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/02/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Trà Q, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Ấp 2A, xã PH, huyện P, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Phú Tr, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút, ngày 25/02/2016, Trần Minh P, sinh năm 1987, nơi cư trú: Ấp 2A, xã PH, huyện P, tỉnh Bình Dương điều khiển xe mô tô Wava không rõ biển số chở Nguyễn Thành D, sinh ngày 02/10/1999 (là em cùng mẹ khác cha với P) đến tiệm hớt tóc của ông Trà Q thuộc ấp 2A, xã PH, huyện P, tỉnh Bình Dương để lấy rái tai. Khi đến nơi, ông Q lấy rái tai cho D còn P thì ngồi chờ. Trong lúc ngồi chờ thì P quan sát thấy ví tiền của ông Q để trong hộp ở kệ hớt tóc nên P nhắn tin qua điện thoại cho D: “Mày có nhìn thấy cái bóp để trong hộp không”. D đang nằm lấy rái tai thì mở điện thoại xem tin nhắn nhưng không trả lời P. Sau khi lấy rái tai xong thì P và D không về ngay mà ngồi lại ở quán chơi, ông Q thấy vậy nên cầm cái ví tiền đi vào nhà sau để lên đầu tủ ti vi rồi đi lấy cơm cho con ăn, khi ông Q để cái ví tiền lên đầu tủ ti vi thì D quan sát thấy, sau đó P lấy xe mô tô chở D đi ra ngoài cùng bàn bạc quay lại quán của ông Q để trộm chiếc ví. P điều khiển xe mô tô chở D quay lại nhà ông Q, khi đến nơi, P ngồi trên xe mô tô ngoài đường để cảnh giới, còn D lén lút đi vào lấy cái ví tiền của ông Q rồi nhanh chóng chạy ra xe P đang chờ rồi tẩu thoát. Khi P chở D đi đến gần trạm thu phí Phước Hòa thì D mở ví vừa trộm được ra xem, phát hiện trong ví có số tiền 3.000.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân của ông Q, D lấy số tiền 3.000.000 đồng trong ví, đưa cho P 1.500.000 đồng rồi ném bỏ ví có giấy tờ bên lề đường. Sau đó cả 02 bỏ trốn khỏi địa phương. Khoảng 16 giờ cùng ngày, ông Nguyễn Phú Tr, sinh năm 1987, nơi cư trú: Ấp 1A, xã PH, huyện P, tỉnh Bình Dương đang đi trên đường thì nhìn thấy cái ví của ông Q, khi ông Tr mở ra xem thì phát hiện có giấy tờ tùy thân của ông Q nên đã đem trả lại chiếc ví cho ông Q.

Ngày 04/02/2016, Nguyễn Thành D thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã trưng cầu giám định tuổi của D. Theo bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 0123 ngày 28/02/2018 của Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh Đồng Nai kết luận: Nguyễn Thành D 18 tuổi 06 tháng (+/- 06 tháng) kể từ ngày giám định 12/02/2018. Như vậy, tính đến ngày phạm tội (25/02/2016) thì Nguyễn Thành D 16 tuổi 13 ngày.

Trần Minh P bỏ trốn đến ngày 11/02/2021 thì bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo bắt theo lệnh truy nã.

Tại Cáo trạng số 24/CT-VKSPG ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Thành D, Trần Minh P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó vẫn giữ nguyên quyết định của cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Thành D,

Trần Minh P, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 58 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành D phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thành D mức án tù 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên bố bị cáo Trần Minh P phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị xử phạt bị cáo Trần Minh P mức án tù 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm hình sự: Bị hại ông Trà Q yêu cầu xử lý các bị cáo Nguyễn Thành D, Trần Minh P theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Trà Q yêu cầu các bị cáo Nguyễn Thành D, Trần Minh P có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền 3.000.000 đồng.

Tại phiên Tòa, bị cáo Nguyễn Thành D, Trần Minh P và người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thành D đồng ý bồi thường số tiền 3.000.000 đồng theo yêu cầu của ông Trà Q.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đối với chiếc xe mô tô Wava không rõ biển số bị cáo P dùng để chở bị cáo D khi thực hiện hành vi phạm tội, tại phiên tòa bị cáo P khai mượn chiếc xe nêu trên của người bạn không rõ nhân thân lai lịch để đi chơi, sau khi thực hiện hành vi phạm tội Phụng đã trả lại chiếc xe nêu trên cho bạn, nên không có căn cứ để tịch thu sung ngân sách Nhà nước chiếc xe nêu trên.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo D thống nhất với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận. Các bị cáo nói lời nói sau cùng, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện P, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người làm chứng không có ý kiến, khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thành D, Trần Minh P đã thừa nhận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 25/02/2016, tại ấp 2A, xã PH, huyện P, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Thành D (lúc này D 16 tuổi 13 ngày) và Trần Minh P đã lén lút trộm số tiền 3.000.000 đồng của ông Trà Q để tiêu xài cá nhân.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị hại, với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Trần Minh P là người

chủ mưu, cầm đầu; bị cáo Nguyễn Thành D là người thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” của bị hại ông Trà Q.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người thực hành và lỗi cố ý trực tiếp. Về nhận thức, các bị cáo biết việc lén lút trộm cắp tài sản thuộc sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, các bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của bị hại có giá trị 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Do đó, hành vi của các bị cáo Nguyễn Thành D, Trần Minh P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, đây là vụ án có tính đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Trần Minh P là người chủ mưu, cầm đầu và bị cáo Nguyễn Thành D là người thực hành nên các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình. Do đó, cần áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự để phân hoá hình phạt đối với các bị cáo.

[5] Tại Cáo trạng số 24/CT-VKSPG ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Thành D, Trần Minh P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Tội phạm do các bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo D: Không có.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo P: Bị cáo P là người chủ mưu, cầm đầu, rõ ràng bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội, tại thời điểm phạm tội bị cáo Nguyễn Thành D 16 tuổi 13 ngày, nên bị cáo P phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Thanh D và Trần Minh P phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo D khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xem xét để giảm một phần hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước mà an tâm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương về phân hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm hình sự: Bị hại ông Trà Q yêu cầu xử lý các bị cáo Nguyễn Thành D, Trần Minh P theo quy định của pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Trà Q yêu cầu các bị cáo Nguyễn Thành D, Trần Minh P liên đới bồi thường số tiền 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo Trần Minh P, Nguyễn Thành D và mẹ của bị cáo D là bà Trần Thị Lệ đồng ý liên đới bồi thường cho bị hại ông Trà Q tổng số tiền là 3.000.000 đồng, cụ thể chia đều cho mỗi bị

cáo có trách nhiệm bồi thường cho ông Q là 3.000.000 đồng : 2 = 1.500.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Q yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại số tiền nêu trên là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đối với chiếc xe mô tô Wava không rõ biển số bị cáo P dùng để chở bị cáo D khi thực hiện hành vi phạm tội, tại phiên tòa bị cáo P khai mượn chiếc xe nêu trên của người bạn không rõ nhân thân lai lịch để đi chơi, sau khi thực hiện hành vi phạm tội Phụng đã trả lại chiếc xe nêu trên cho bạn, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để tịch thu sung ngân sách Nhà nước chiếc xe nêu trên.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 48, Điều 58, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 468, Điều 584, Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành D, Trần Minh P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành D 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/3/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Minh P 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/02/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, khoản 2 Điều 586, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thành D, Trần Minh P liên đới bồi thường cho người bị hại ông Trà Q số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), trong đó phần nghĩa vụ bồi thường của mỗi bị cáo là  $\frac{1}{2}$  số tiền nêu trên. Nếu bị cáo Nguyễn Thành D không đủ tài sản để bồi thường cho ông Trà Q thì mẹ của bị cáo là bà Trần Thị Lệ phải bồi thường số tiền còn thiếu của bị cáo Nguyễn Thành D.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về án phí, lệ phí Tòa án buộc: Các bị cáo Nguyễn Thành D, Trần Minh P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; (1)
- PV06 Công an tỉnh Bình Dương; (1)
- VKSND huyện Phú Giáo; (1)
- Công an huyện Phú Giáo; (2)
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo; (1)
- Bị cáo; (2)
- Bị hại; (1)
- Lưu hồ sơ, VP. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Tiến Lợi**

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Cảnh – Nguyễn Thị Nga**

**Nguyễn Hữu Lâm**